| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>PHƯỜNG LÁI THIÊU | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
|---|---|
| Số: 653/QĐ-UBND | Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
| | *Lái Thiêu, ngày 22 tháng 11 năm 2024* |

# QUYẾT ĐỊNH

## Tặng danh hiệu "Gia đình văn hóa" năm 2024

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;*

*Căn cứ Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu "Gia đình văn hóa", "Thôn, tổ dân phố văn hóa", "Xã, phường, thị trấn tiêu biểu";*

*Căn cứ Quyết định số 48/2024/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quy định chi tiết tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Gia đình văn hóa", "Thôn, tổ dân phố văn hóa", "Xã, phường, thị trấn tiêu biểu" trên địa bàn tỉnh Bình Dương;*

*Xét đề nghị của Trưởng khu phố Long Thới.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Tặng các gia đình trong danh sách kèm theo Quyết định này danh hiệu "Gia đình văn hóa" năm 2024.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Công chức Văn phòng – thống kê, Công chức Văn hóa – xã hội, Trưởng khu phố Long Thới, ngành có liên quan và các hộ gia đình có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

| *Nơi nhận:*<br>- Như Điều 3;<br>- Lưu: VT. | **CHỦ TỊCH**<br><br><br>**Nguyễn Thị Tuyết Mai** |
|---|---|

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG LÁI THIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH
## Tặng danh hiệu "Gia đình văn hóa" năm 2024, khu phố Long Thới

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 659/QĐ-UBND ngày 22 /11 /2024*
*của UBND phường Lái Thiêu)*

| STT | Tên hộ gia đình | Địa chỉ |
|---|---|---|
| 01 | Lê Minh Châu | 85/1Tổ 1 |
| 02 | Huỳnh Thị Sáu | 83/1 |
| 03 | Lê Thị Nga | 85/3c |
| 04 | Trịnh Viết Tâm | 87/1 |
| 05 | Trần Quang Khánh | 83/5 |
| 06 | Nguyễn Thị Hạnh | 83/3 |
| 07 | Trịnh Văn Phi | 80/2 |
| 08 | Lý Ngọc Kim | 122/3 |
| 09 | Nguyễn Minh Đức | 122/3c |
| 10 | Nguyễn Minh Hùng | 122/3a |
| 11 | Ngô Văn Tấn | 91/5a |
| 12 | Lâm Chí Thông | 85/3a |
| 13 | Lê Thị Thanh Thủy | 85/3b |
| 14 | Phan Thị Bảy | 86/5 |
| 15 | Nguyễn Ngọc Tiên | 91/6 |
| 16 | Liêu Minh Trường | 84/1a |
| 17 | Đặng Thị Gái | 84/3a |
| 18 | Hình Lanh Hoa | 85/3 |
| 19 | Uông Kiên Lệ | 86/4 |
| 20 | Nguyễn Vũ Khánh | 85/2 |
| 21 | Phạm Thị Thập | 83/4 |
| 22 | Ngô Mạnh Trạch | 85/1b |
| 23 | Trần Thanh Phương | 83/1a |
| 24 | Đặng Thị Hồng | 84/2a |
| 25 | Lâm Anh Nghĩa | 86/2 |
| 26 | Nguyễn Thị Thanh Nga | 84/4 |

| | | |
|---|---|---|
| 27 | Hoắc Vỉ Lâm | 84/3 |
| 28 | Ngô Văn Lợi | 91/5a |
| 29 | Nguyễn Ngọc Lê | 122/3A |
| 30 | Đặng Phương Tâm | 84/2 |
| 31 | Liên Kim Hoa | 84/3 |
| 32 | Nguyễn Thị Nga | 112/3 r |
| 33 | Ngô Lâm Tuyền | 91/ 4a tổ 2 |
| 34 | Phạm Thị Xuân Trang | 97/5 |
| 35 | Đặng Lộc Đạt | 93/3 |
| 36 | Ngô Thị Phụng | 91/5 |
| 37 | Trần Kim Sơn | 102/7 |
| 38 | Trịnh Tâm Bá | **87/3** |
| 39 | Trịnh Kim Hoàng | **87/3** |
| 40 | Lê Thị Cẩm Nhung | 92/8 |
| 41 | Ng Thị Trương Hạnh | 91/4 |
| 42 | Nguyễn Thị Hoa | 87/5 |
| 43 | Ngô Tấn Dũng | 94/2 |
| 44 | Vũ Huy Quảng | 94/5 |
| 45 | Trương Minh Đức | 61/4 |
| 46 | Lương Thị Sửu | 29/2 |
| 47 | Nguyễn Thị Hương | 92/7 |
| 48 | Nguyễn Thị Hồng | 90/3a |
| 49 | Trương Xuân Hồng | 92/4 |
| 50 | Nguyễn Thanh Phong | 92/1 |
| 51 | Nguyễn Văn Cường | 89/5 |
| 52 | Châu Bảo Hoà | 93/1 |
| 53 | Trần Phi Phụng | 104/4 |
| 54 | Huỳnh Thị Xuân | 90/3 |
| 55 | Lý Quách | 85/4 b |
| 56 | Phạm Thị Sáu | 93/ 1a |
| 57 | Giang Quốc Bình | 87/4 |
| 58 | Giang Trí Quốc | 91/4 a |
| 59 | Trần Văn Mão | 89/2 a |
| 60 | Trần Văn Hải | 94/4 |
| 61 | Nguyễn Hoài Nhân | 85/4 d |
| 62 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | 85/4 c |
| 63 | Trương Ngọc Dung | 88/5 r |
| 64 | Đỗ Ngọc Lợi | 104/4 tổ 3 |
| 65 | Vương Văn Nhỏ | 102/5 |

| | | |
|---|---|---|
| 66 | Dương Thị Ngọc Phượng | 102/3 |
| 67 | Tăng Há | 105/4 |
| 68 | Nguyễn Thị Tha | 103/3 |
| 69 | Võ Văn Tâm | 99 c |
| 70 | Lương Thị Mỹ Liên | 104/1 |
| 71 | Nguyễn Thanh Long | 101/3 |
| 72 | Phạm Thanh Phong | 107/1 a |
| 73 | Nguyễn Thị Nguyêt Nga | 106/4 |
| 74 | Trần Văn Hiệp | 104/3 |
| 75 | Phan Thái Bằng | 102/7 a |
| 76 | Bùi Thị Mỹ Huế | 103/2 |
| 77 | Nhan Ngọc Tài | 99 a |
| 78 | Lũ Thị Lộ | 107/1 e |
| 79 | Nguyễn Giang Thanh Trang | 103/3 b |
| 80 | Quang Phước Hoà | 106/2a |
| 81 | Châu Thị Hoa | 106/2 |
| 82 | Nguyễn Thị Mỹ Trinh | 101/4 |
| 83 | Nguyễn Thị Mỹ | 106/2a |
| 84 | Phan Thị Toa | 105/3c |
| 85 | Nguyễn Minh Thanh | 97/5 |
| 86 | Trần Việt Lâm | 104/3 a |
| 87 | Nguyễn Thị Mẹo | 101/3 r |
| 88 | La Thoại | 99/5 tổ 4 |
| 89 | Nguyễn Hoàng Vân | 99/1 |
| 90 | Lưu Thành Nghĩa | 98/4 |
| 91 | Nguyễn Thái Dương | 98/5 |
| 92 | Trương Hồng Sâm | 97/7 |
| 93 | Trần Thanh Long | 97/1 |
| 94 | Đặng Thanh | 97/2 |
| 954 | Nguyễn Thị Bảy | 99/4 |
| 96 | Lư Kim Châu | 95/1 |
| 97 | Ngô Hưng Lê Nguyên Tuân | 96/5b |
| 98 | Trần Thị Ngọc Quang | 96 |
| 99 | Hồ Thị Thìn | 95/2 |
| 100 | Nguyễn Kim Long | 96/4 |
| 101 | Vương Hà | 89 |
| 102 | Vương Bi | 96/5 |
| 103 | Nguyễn Thị Huệ Linh | 99/2 |
| 104 | Nguyễn Thị Ánh Hồng | 99/3 |

| | | |
|---|---|---|
| 105 | Nguyễn Minh Thanh | 97/5 |
| 106 | Trần Đình Khương | 98/1a |
| 107 | Nguyễn Thị Mỹ | 95/5 |
| 108 | Phan Thị Sáng | 95/3 r |
| 109 | La Thị Hoà | 106/2 a tổ 5 |
| 110 | Phan Thị Phụng | 107/3 |
| 111 | Dương Thị Hai | 112/3 |
| 112 | Nguyễn Văn Hoàng | 113/3 |
| 113 | Nguyễn Thị Năm | 17/4 |
| 114 | Nguyễn Thành Nghĩa | 109/3 e |
| 115 | Nguyễn Văn Phước | 108/5b |
| 116 | Lâm Kim Sang | 108/2e |
| 117 | Trần Kim Loan | 106/2 |
| 118 | Từ Thị Hướng | 113/5 |
| 119 | Luân Thị Mỹ | 113/4 |
| 120 | Trương Thanh Vân | 109/2 |
| 121 | Nguyễn Thị Ba | 114/2 |
| 122 | Nguyễn Thị Hoà | 114/1 |
| 123 | Lê Thị Điệp | 114/4 |
| 124 | Cổ Thị Ngọc Quý | 106/2 a |
| 125 | Lý Thành An | 108/2 |
| 126 | Trần Lệ | 108/2 |
| 127 | Đặng Quốc Tuấn | 108/3 |
| 128 | Châu Văn Phước | 112/5 |
| 129 | Liêu Hoàng Hải | 112/5 |
| 130 | Nguyễn Thanh Tùng | 106/2a |
| 131 | Phạm Thành Lập | 112/5e |
| 132 | Huỳnh Minh Châu | 108/4 a |
| 133 | Lương Thị Kim Chi | 108/4 |
| 134 | Lê Văn Dưa | 110/2 |
| 135 | Đặng Quốc Anh | 110/3 |
| 136 | Lê Văn Trung | 110/2a |
| 137 | Lương Hoàng Dũng | 109/5 |
| 138 | Lê Trọng Khoa | 109/6 a |
| 139 | Lê Thị Cẩm Tiên | 109/6e |
| 140 | Đỗ Nguyên Trung | 106/3a |
| 141 | Trần Thành | 112/5 c |
| 142 | Nguyễn Hoàng Thành | 116/5 |
| 143 | Nguyễn Thị Phương Anh | 106/5c |

| | | |
|---|---|---|
| 144 | Nguyễn Thu Nhung | 106/5 |
| 145 | Lê Trúc Phương | 107/1 a |
| 146 | Trần Quang Vinh | 114/3 |
| 147 | Nguyễn Thị Trinh | 106/3 |
| 148 | Lê Thanh Tùng | 107/2 |
| 149 | Phạm Thị Bưởi | 109/6 |
| 150 | Trương Văn Tài | 108f |
| 151 | Nguyễn Thị Cúc | 116/4 |
| 152 | Võ Xuân Phương Linh | 110/5 a |
| 153 | Lê Phước Hùng | 110/4 |
| 154 | Thái Thanh Thuỷ` | 112/5 a |
| 155 | Lâm Thị Út | 112/5 b |
| 156 | Nguyễn Phú Vinh | 112/5 |
| 157 | Nguyễn Thị Tư | 109/3 c |
| 158 | Lê Trung Nghĩa | 112/6 |
| 159 | Lê Văn Khanh | 110/2 b |
| 160 | Lê Văn Trung | 110/2a |
| 161 | Trần Thị Mỹ Hạnh | 112/5 r |
| 162 | Nguyễn Thị Thanh Thuỷ | 119/2 tổ 6 |
| 163 | Đàm Ngọc Sương | 115/ 1b |
| 164 | Huỳnh Ngọc Lệ | 115/1 a |
| 165 | Phan Văn Thành | 115/4 |
| 166 | Nguyễn Thị Điệp | 119/4 |
| 167 | Nguyễn Kim Phượng | 120/3 b |
| 168 | Nguyễn Thị Anh | 118/5 |
| 169 | Trương Văn Luyện | 118/4 |
| 170 | Lương Quốc Bảo | 120/2 |
| 171 | Trương Quang Sáng | 119/3 |
| 172 | Nguyễn Đức Tân | 120 |
| 173 | Lê Đăng Thời | 115/5 |
| 174 | Nguyễn Thị Mỹ | 119/1 |
| 175 | Lương Thành Phương | 116/4a |
| 176 | Mã Thị Vân | 116/2 |
| 177 | Huỳnh Thị Hoa | 115/1 a |
| 178 | Huỳnh Hoàng Chương | 115/1 c |
| 179 | Bành Thị Lện | 116/3 |
| 180 | Võ Thị Tư | 118/1 r |
| 181 | Trần Thị Mỹ Lợi | 122/3a tổ 7 |

| | | |
|---|---|---|
| 182 | Nguyễn Ngọc Vinh | 122/3b |
| 183 | Nguyễn Văn Phi | 125/5 |
| 184 | Chiếm Văn Hùng | 122/2a |
| 185 | Nguyễn Văn Thành | 123/1a |
| 186 | Trần Thị Nung | 124/5 c |
| 187 | Nguyễn Ngọc Kim Chi | 127 |
| 188 | Nguyễn Thị Tuyết Nga | 122/5 b |
| 189 | Lê Thị Thuý An | 126/3a |
| 190 | Nguyễn Võ Đình Danh | 121/2 |
| 191 | Trần Kim Liên | 121 |
| 192 | Nguyễn Hữu Lợi | 123/2b |
| 193 | Nguyễn Hoà Dũng | 126/3 |
| 194 | Nguyễn Thanh Sang | 126/4 |
| 195 | Trần Văn Hùng | 121/2a |
| 196 | Lê Thị Phương Thảo | 126/1a |
| 197 | Nguyễn Thị Hạnh | 123/2c |
| 198 | Trần Diệu Hiền | 121/4 |
| 199 | Lê Hoàng Hải | 12/2 b |
| 200 | Phạm Văn Thể | 121/6 |
| 201 | Trần Văn Trung | 126/4 |
| 202 | Nguyễn Võ Đình Giao | 121/2 |
| 203 | Chiếm Thị Bé | 126/3 |
| 204 | Đàm Ngọc Sáng | 122/3a |
| 205 | Lê Văn Tân | 121/2a |
| 206 | Lý Thanh Loan | 124/5 |
| 207 | Nguyễn Tấn Đàn | 124/3 |
| 208 | Đinh Văn Châu | 30b |
| 209 | Trần Minh Hoàng | 121/5 |

| | | |
|---|---|---|
| 210 | Phạm Văn Đực | 125/2 |
| 211 | Đàm Ngọc Hoa | 122/3b |
| 212 | Phạm Thị Bích Vân | 122/3 f |
| 213 | Đàm Ngọc Thái | 122/3c |
| 214 | Phạm Tân Tiến | 125/2a |
| 215 | Nguyễn Đức Thuận | 126/4 a |
| 216 | Nguyễn Minh Hữu | 126/2a |
| 217 | Phạm Như Thái | 126/1 b |
| 218 | Nguyễn Thị Kim Hoa | 126/1 |
| 219 | Nguyễn Thị Liên | 121/2 |
| 220 | Nguyễn Thị Năm | 121/2 |
| 221 | Nguyễn Thị Kim Hoàng | 123/2 b |
| 222 | Nguyễn Thị Lài | 123/2 b |
| 223 | Trần Văn Phước | 124/5 |
| 224 | Nguyễn Thị Hồng Loan | *123/2d* |
| 225 | Trần Văn Hiền | 121/3 r |
| 226 | Nguyễn Công Diện | 11b/7 tổ 8 |
| 227 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | 72/5 |
| 228 | Văn Thị Hồng Thắm | 72/1 |
| 229 | Nguyễn Thị Kim Xuyến | 72 |
| 230 | Ngô Hùng Vĩ | 78 |
| 231 | Vũ Hoàng Thao | 78/5 |
| 232 | Lê Thị Kim Anh | 72/b |
| 233 | Lâm Văn Kiệt | 72/3 a |
| 234 | Trần Đại | 72/2 |
| 235 | Lý Sang | 72/1 |
| 236 | Trần Thị Phương Dung | 5 a |
| 237 | Nguyễn Ngọc Thơ | 74/1 |
| 238 | Nguyễn Thị Hợi | 67/2 d |
| 239 | Mai Thị Triếp | 113 |
| 240 | Huỳnh Vạn Niên | 111 |
| 241 | Lương Thị Hiếu | 117 |

| | | |
|---|---|---|
| 242 | Huỳnh Chí Luân | 116 |
| 243 | Nguyễn Duy Trung | 110/5 |
| 244 | Đỗ Thị Phương Mai | 76/4 |
| 245 | Ngô Thị Phương Trang | 76/4 b |
| 246 | Trương Nho Đại | 77/6 |
| 247 | Nguyễn Ngọc Thành | 79 |
| 248 | Đỗ Thị Phương Ánh | 176/4 a |
| 249 | Lương Văn Lai | 76/4 |
| 250 | Hoàng Đình Vũ | 74/10 |
| 251 | Nguyễn Tuấn Anh | 74/8 |
| 252 | Nguyễn Trúc Mai | 79 |
| 253 | Trần Xuân Huệ | 78/4 |
| 254 | Bùi Tuấn Anh | 114 |
| 255 | Ngô Ngọc Hải | 116a |
| 256 | Nguyễn Ngọc Trung | 112/2 |
| 257 | Phạm Thị Chỡ | 75/3a |
| 258 | Trần Thị Phương Ngân | 72/2b |
| 259 | Ngô Thị Lợi | 76/1 a |
| 260 | Võ Thị Ánh Nguyệt | 77/5 |
| 261 | Lê Minh Tuân | 74/6 |
| 262 | Nguyễn Hữu Trung | 74/2 |
| 263 | Nguyễn Hữu Tâm | 74/4b |
| 264 | Cao Thị Hồng Nhung | 74/2 |
| 265 | Huỳnh Thị Ngọc Hà | 74/2f |
| 266 | Phạm Thị Mai | 72/4c |
| 267 | Hoắc Vĩ Quyền | 74/2 c |
| 268 | Tạ Thị Yến Nhi | 67/2 |
| 269 | Uông Ngọc Kiên | 67/2 |
| 270 | Ngô Văn Chót | 76/1 |
| 271 | Ngô Văn Mỹ | 76/1 |
| 272 | Ngô Thị Bích Hạnh | 76/1 b |
| 273 | Trương Thị Ngọc Bền | 76/1 c |
| 274 | Võ Thị Anh | 77/4d |
| 275 | Nguyễn văn Hùng | 76/5a |
| 276 | Nguyễn Thị Diễm Chi | 76/1c |
| 277 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | 72/5 |
| 278 | Hoắc Vĩ Quyền | 74/2c |
| 279 | Nguyễn Ngọc Bảo | 0 r |
| 280 | Dung Hạnh Chi | 69/3 a tổ 9 r |

| | | |
|---|---|---|
| 281 | Nguyễn Văn Thanh | 69/4 |
| 282 | Nguyễn Văn Vinh | 71/2a |
| 283 | Trịnh Văn Chó | 70/5 |
| 284 | Nguyễn Quốc Việt | 71/5 |
| 285 | Mạch Liên Hương | 67/4 |
| 286 | Lý Thị Ánh Tuyết | 67/4 a |
| 287 | Nguyễn Thị Thuý Diễm | 68/3 a |
| 288 | Phạm Thị Hiếu | 68/3 |
| 289 | Võ Thị Mỹ | 68/5 |
| 290 | Phạm Thị Tùng | 69/2 a |
| 291 | Dung Thị Năm | 69/3 |
| 292 | Phạm Hồng Yến | 65/3 |
| 293 | Nguyễn Thị Huyền | 73/4 |
| 294 | Bùi Thị Thu | 69/2 |
| 295 | Nguyễn Văn Bảy | 70/1 |
| 296 | Ôn Thị Ngọ | 70/1 a |
| 297 | Nguyễn Thị Hoa | 71/3 |
| 298 | Trần Thị Cẩm Lan | 76/4 |
| 299 | Nguyễn Thị Thu Hương | 67/3 |
| 300 | Trần Hồng Hạnh | 69/5 |
| 301 | Phan Thị Nở | 67/3 a |
| 302 | Nguyên Triệu Long | 70/1b |
| 303 | Lê Thanh Tâm | 701/3a |
| 304 | Nguyễn Thị Thanh Phi | 75/5 c |
| 305 | Nguyễn Thanh Phong | 75/5 |
| 306 | Nguyễn Phan Thảo | 75/5 a |
| 307 | Phan Thị Hồng Đào | 75/5 |
| 308 | Ngô Thị Huyền Anh | 103/4 |
| 309 | Trương Thị Ánh | 103/4 a |
| 310 | Nhan Tỷ | 90/4 |
| 311 | Võ Ngọc Đãi | 99e |
| 312 | Nhan Quốc Cường | 103/7 |
| 313 | Nguyễn Gia Trang | 69/4b |
| 314 | Nhan Trường Phát | 106/5 |
| 315 | Trần Thị Kim Hương | 71/1 |
| 316 | Võ Châu Lang | 73/3 |
| 317 | Lê Thị Cẩm Nhung | 71/2 |
| 318 | Nguyễn Ngọc Bảo | 0 |
| 319 | Dung Hạnh Chi | 69/3 a |

| | | |
|---|---|---|
| 320 | Nguyễn Văn Thanh | 69/4 |
| 321 | Nguyễn Văn Vinh | 71/2a |
| 322 | Trịnh Văn Chó | 70/5 |
| 323 | Nguyễn Quốc Việt | 71/5 r |
| 324 | Trần Thanh Phong | 79/1 tổ 10 r |
| 325 | Trần Văn Siêu | *79/1 a* |
| 326 | Trần Văn Minh | 79/2 |
| 327 | Lê Thanh Hải | 79/2 a |
| 328 | Nguyễn Văn Ý | 79/2a |
| 329 | Nguyễn Nguyệt Ánh | 79/2f |
| 330 | Nguyễn Thị Gái | 79/4 |
| 331 | Nguyễn Thị Thu Thuỷ | 79/3 |
| 332 | Nguyễn Thanh Khiết | 80/1 |
| 333 | Nguyễn Minh Hoàng | 80/2 |
| 334 | Võ Thị Mỹ | 80/4 |
| 335 | Nguyễn Văn Chùm | 80/3 |
| 336 | Ngô Văn An | 81/1 |
| 337 | Ngô Mỹ Lang | 81/5 |
| 338 | Ngô Hoàng | 81/5a |
| 339 | Vũ Kim Chi | 82/1 |
| 340 | Lạc Thị Anh | 82/3 |
| 341 | Thái Minh Hoàng | 82/5 |
| 342 | Lý Suối Hương | 82/5a |
| 343 | Nguyễn Hữu Hải | 82/5b |
| 344 | Trần Quốc Khánh | 79/6 |
| 345 | Nguyễn Văn Tòng | 82/2 r |
| 346 | Hồng Thị Tố Mai | 137/4 c tô11 |
| 347 | Vương Thanh | 140/4a |
| 348 | Nguyễn Thị Thắm | 139/3a |
| 349 | Ngô Văn Tài | 139/3 a |
| 350 | Quách Tuấn Anh | 138/2 |
| 351 | Nguyễn Văn Phú | 137/1 |
| 352 | La Bá Lâm | 137/4 a |
| 353 | Trương Anh Tuấn | 136/5 |
| 354 | Nguyễn Ngọc Hải | 140/3 |
| 355 | Trương Văn Minh | 139/bis |
| 356 | Hứa Anh Minh | 140/5 |
| 357 | Đoàn Thị Bôm | 140/2 |
| 358 | Nguyễn Thị Hoa | 139F |

| | | |
|---|---|---|
| 359 | Lý Sài | 138/5 |
| 360 | Ngô Minh Dũng | 34/2a |
| 361 | Mã Thị Hoa | 136/2 |
| 362 | Sâm Vinh Quang | 137/5 |
| 363 | Nguyễn Văn Ép | 135/4 |
| 364 | Lý Đức Hoa | 134/3 |
| 365 | Hồng Bá Lâm | 137/4 |
| 366 | Trương Văn Bảo | 134/2 |
| 367 | Khưu Cẩm | 138/3 |
| 368 | Nguyễn Thị Bạch Hường | 135/4a |
| 369 | Nguyễn Thị Đông | 135/5a |
| 370 | Mã Phếnh | |
| 371 | Nguyễn Văn Thu | 133/7 |
| 372 | Nguyễn Thị Chín | 139/4 |
| 373 | Lý Anh Thư | 135/2 |
| 374 | Đỗ Văn Lanh | 139/5 |
| 375 | Nguyễn Cang Tuấn | 136/4c |
| 376 | Nguyễn  Minh Quang | 136/4a |
| 377 | Nguyễn Thị Bảy | 136/4 |
| 378 | Vương Thị Thanh | 135/5 |
| 379 | Vương Tố Lan | 135/5 |
| 380 | Nguyễn Hữu Phúc | 140/1 r |
| 381 | Trần Hồng Hoà | 145/ 4b tổ 12 r |
| 382 | Huỳnh Văn Long | 44/6 |
| 383 | Huỳnh Văn Thạnh | 44/6 |
| 384 | Huỳnh Văn Thảo | 44/6 b |
| 385 | Trần Văn Hà | 145/4 a |
| 386 | Trương Gia Nghĩa | 145/3 |
| 387 | Trương Mậu | 125/ 4b |
| 388 | Ngô Kim Ngọc | 145/1 |
| 389 | Tạ Văn Long | 144/5 |
| 390 | Nguyễn Lê Thảo Tiên | 144/5 |
| 391 | Nguyễn Thanh Long | 144/3 |
| 392 | Trần văn Sú | 144/2 |
| 393 | Trần Thị Mỗi | 144/1 |
| 394 | Châu Bích Lệ | 143/5 |
| 395 | Lê Thị Lang | 143/4 |
| 396 | Bằng Huệ Phương | 143/3 |
| 397 | Nguyễn Thị Thanh Thuỷ | 142/5 |

| | | |
|---|---|---|
| 398 | Nguyễn Đoàn Sơn | 142/5 a |
| 399 | Nguyễn Thanh Bạch | 142/5 c |
| 400 | Phùng Thi Thái | 142/5 b |
| 401 | Nhan Thị Hồng | 42/2 a |
| 402 | Nguyễn Trung Hiếu | 42/2 b |
| 403 | Lưu Ngọc Ẩn | 142 |
| 404 | Nguyễn Văn Mỹ | 142/5 |
| 405 | Vũ Đình Cầu | 141 |
| 406 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | 141/2 c |
| 407 | Huỳnh Lệ Trinh | 141/2 |
| 408 | Nguyễn Thanh Long | 141/2b |
| 409 | Huỳnh Thị Cát | 141/2 |
| 410 | Bùi Thị Ngọc Hà | 140 r |
| 411 | Huỳnh Văn Xê | 71/ 2 c tổ 13 r |
| 412 | Võ Thị Lào | 146/1 |
| 413 | Châu Thị Cẩm | 147/2 |
| 414 | Võ Tấn Hùng | 145/5 |
| 415 | Lê Hữu Đức | 146/4 |
| 416 | Võ Thị Xuân | 145/3 a |
| 417 | Nguyễn Thị Mận | 167/4 |
| 418 | Huỳnh Văn Nhơn | 146/2 |
| 419 | Trương Thị Bích Đào | 147/2 c |
| 420 | Lữ Văn Việt | 146/5 |
| 421 | Huỳnh Thị Mạnh | 147/1 |
| 422 | Nguyễn Thị Kim Tính | 146/3 a |
| 423 | Nguyễn Quốc Trung | 147/2 a |
| 424 | Nguyễn Thị Hoa | 147/2 a |
| 425 | Lê Hữu Tôn | 147/4 |
| 426 | Võ Thị Mỹ Hiền | 147/5 |
| 427 | Đỗ Thị Kim Hồng | 148/1 |
| 428 | Nguyễn Thị Kim Phụng | 147/3 |
| 429 | Nguyễn Hữu Hạnh | 149/5 |
| 430 | Nguyễn Thị Nữ | 148/2 |
| 431 | Huỳnh Khánh Đông | 146/2 |
| 432 | Trần Thị Huệ | 147/2 b |
| 433 | Đặng Thuý Liễu | 148/4 |
| 434 | Nguyễn Thị Chúc | 14/5 a |
| 435 | Nguyễn Thị Tuyển | 148/3 |
| 436 | Vương Kim Bình | 149/4 |

| | | |
|---|---|---|
| 437 | Phạm Hoàng Linh | 148/3 |
| 438 | Phạm Văn Loa | 147/2 c r |
| 439 | Huỳnh Thị Thanh Thuý | 150/3 tổ 14 |
| 440 | Trần Thị Loan | 163/2 |
| 441 | Khưu Minh Quang | 146/2 |
| 442 | Phạm Văn Tuất | 152/4 |
| 443 | Phạm Văn Thuấn | 150 |
| 444 | Vương Đô | 156/3 |
| 445 | Tống Mỹ Anh | 150/1 |
| 446 | Nguyễn Văn Rằng | 155/2 |
| 447 | Nguyễn Thị Bay | 152/2b |
| 448 | Dương Ngọc Thành | 152/1 a |
| 449 | Nguyễn Hồng Quang | 155/2 |
| 450 | Lưu Huỳnh Thu Huệ | 154/2 |
| 451 | Võ Thị Ánh Hồng | 151/2 a |
| 452 | Lê Thị Hiếu | 154/3 |
| 453 | Vũ Thị Sinh | 146/2b |
| 454 | Vũ Ngọc Diệp | 154/a |
| 455 | Phan Thị Hồng Xuyên | 154/5 |
| 456 | Pham Thị Duyệt | 154/4 |
| 457 | Phạm Thị Phúc | 155/4 |
| 458 | Hoàng Đức Khánh | 155/1 |
| 459 | Lê Ngọc Hiền | 163/2 |
| 460 | Ngô Văn Lắm | 163/5 |
| 461 | Nguyễn Hồng Hiệp | 155 |
| 462 | Nguyễn Thị Lệ Hồng | 150/3 |
| 463 | Huỳnh Minh Đức | 151/2 |
| 464 | Đinh Thị Kiều Trang | 157/2 |
| 465 | Huỳnh Thị Ba | 156/1 |
| 466 | Đinh Quốc Việt | 157/3 |
| 467 | Nguyễn Văn Lượng | 157/4 |
| 468 | Vương Thị Lang | 155/5 |
| 469 | Bùi Vy Vân | 155/6 |
| 470 | Lê Thanh Nhã | 155/3 |
| 471 | Lê Loan Nhi | 149 |
| 472 | La Kim Thạch | 163/4 |
| 473 | Nguyễn Văn Bình | 156/4 |
| 474 | Nguyễn Văn Sòi | 156/2 |
| 475 | Vương Văn Dũng | 151/1 |

| | | |
|---|---|---|
| 476 | Quách Hùng | 150/4 |
| 477 | Trần Thị Nhiên | 162/5 |
| 478 | Lê Thị Thu Thuỷ | 157/3 |
| 479 | Nguyễn Trọng Hiếu | Tổ 15 r |
| 480 | Trần Thị Khiết | 165/5 a |
| 481 | Phạm Phong Doanh | 164/2 |
| 482 | Nguyễn Thị Giỏi | 164 |
| 483 | Phạm Phong Phú | 169/1 |
| 484 | Nguyễn Ngọc Đại | 164/2 |
| 485 | Đỗ Thành Lập | 166 |
| 486 | Nguyễn Thị Sảnh | 165/3 |
| 487 | Nguyễn Ngọc Mai | 171/2 |
| 488 | Huỳnh Thị Phúc | 167/5 b |
| 489 | Huỳnh Thị Lan | 168/4 |
| 490 | Diệp Kim Phụng | 168/3 |
| 491 | Nguyễn Thị Hồng | 166/1 a |
| 492 | Nguyễn Thanh Phong | 168/1 |
| 493 | Nguyễn Văn Thanh | 168/2 |
| 494 | Phạm Thị Cúc | 162/5 b |
| 495 | Vũ Thị Ngọc Dung | 157 |
| 496 | Nguyễn Thanh Phong | 164/3 |
| 497 | Nguyễn Văn Sanh | 169/2 |
| 498 | Nguyễnm Khuyên Tín Thiện | 162/5c |
| 499 | Nguyễn Thị Kim Chi | 164/2 d |
| 500 | Huỳnh Thị Tiên | 167/5a |
| 501 | Lê Trung Nghĩa | 170/4 |
| 502 | Nguyễn Thị Lan | 170/4a |
| 503 | Nguyễn Thị Ánh Tuyết | 164/4b |
| 504 | Đỗ Ngọc Loan | 166 |
| 505 | Đỗ Ngọc Hiếu | 126/3a |
| 506 | Võ Thị Hằng | 126/3 a |
| 507 | Nguyễn Ngọc Thuận | 162/2 |
| 508 | Trình Thanh Hùng | 181/2 |
| 509 | Võ Thị Hoàng Anh | 44/2 |
| 510 | Trần Thanh Cường | 262/4 |
| 511 | Lâm Thị Hồng Tâm | 168/3a |
| 512 | Bùi Trực Thảo | 166/3 |
| 513 | Nguyễn Thị Mai | 166/3 |
| 514 | Lý Hoàng Dung | 164/3 |

| | | |
|---|---|---|
| 515 | Đặng Kim Liễu | 166/3 |
| 516 | Chung Thị Ngọc Loan | 164/5a |
| 517 | Đặng Kim Chi | 166/3 |
| 518 | Nguyễn Thanh Nam | 164/5c |
| 519 | Nguyễn Văn Sem | 162/4 a |
| 520 | Nguyễn Văn Lợi | 165/3 |
| 521 | Phạm Thị Được | 164/1 |
| 522 | Võ Thành Tâm | 161/1a |
| 523 | Nguyễn Kim Tuyến | 164/6 a |
| 524 | Nguyễn Thị Ánh Tuyết | 1663 a |
| 525 | Nguyễn Kim Phụng | 164/6 b |
| 526 | Lý Thanh Hùng | 169/4a |
| 527 | Đoàn Thị Thu Hồng | 166/3 b |
| 528 | Nguyễn Thị Mỹ | 166 |
| 529 | Đặng Kim Diệu | 164/5a |
| 530 | Võ Thị Trần | 164/5a |
| 531 | Ngô Sỷ Bình | 162/2 |
| 532 | Nguyễn Thanh Phương | 161/1 |
| 533 | Huỳnh Thị Tiên | 167/5 a |
| 534 | Nguyễn Thị Mai | 166/3 |
| 535 | Đoàn Văn Thôi | 168/2 r |
| 536 | Nguyễn Văn Nam | 132 tổ 16 r |
| 537 | Nguyễn Thị Thanh | 130/3 |
| 538 | Thái Nguyên Hồng | 130/5 |
| 539 | Nguyễn Thị Thanh Hương | 131/1 |
| 540 | Hồ Xuân Danh | 131/1a |
| 541 | Đào Tam Xuân | 131/3 |
| 542 | Lương Minh Quang | 131/3 |
| 543 | Lương Thị Thanh Trúc | 131/4 |
| 544 | Nguyễn Thị Kiều Phương | 131/4 |
| 545 | Nuyễn Thị Văn | 131/5 |
| 546 | Nguyễn Thanh Tâm | 132/3 a |
| 547 | Phạm Thị Hữu Duyên | 132/3 |
| 548 | Lê Hồng Sơn | 132 |
| 549 | Nguyễn Thị Út | 131/4 b |
| 550 | Nguyễn Thị Nhung | 132/4 |
| 551 | Tiêu Phương Dung | 131/4 a |
| 552 | Nguyễn Thị Hiền | 132 |

| | | |
|---|---|---|
| 553 | Phan Thị Lộc | 132/6 |
| 554 | Trần Kim Huệ | 172 r |
| 555 | Nguyễn Thị Hết | 126/7 tổ 17 r |
| 556 | Nguyễn Thị Nga | 36/3f |
| 557 | Nguyễn Thị Dung | 35/1 a |
| 558 | Lê Văn Khuyên | 35/4 |
| 559 | Trần Lê Dung | 167 a |
| 560 | Nguyễn Thị Hiếu | 35/1 a |
| 561 | Lưu Thị Dương | 35/1 |
| 562 | Huỳnh Minh Châu | 36/3 a |
| 563 | Lê Thị Ngọc Trang | 36/3 a |
| 564 | Trần Thị Bảy | 36/3 b |
| 565 | Lâm Thiên Lý | 38/3 |
| 566 | Lê Quang Pháp | 38/4 |
| 567 | Lại Thị Lan | 40 |
| 568 | Đào Dương Huân | 39/3 |
| 569 | Nguyễn Thị Hoa | 36/2 |
| 570 | Lâm Thị Lam Điền | 39/4 a |
| 571 | Đoàn Thành Lộc | 38/4b |
| 572 | Trần Văn Thuận | 30/4 |
| 573 | Phạm Thị Tới | 39/5 a |
| 574 | Lâm Thị Ngọc Dung | 39/5 a |
| 575 | Phạm Ngọc Trung Trinh | 38/4 a |
| 576 | Lê Dương Thuận | 59/5 |
| 577 | Lại Thị Lý | 36/3 |
| 578 | Nguyễn Kim Lang | 39/4 c |
| 579 | Trần Văn Hạnh | 36/3 e |
| 580 | Phương Lâm Tùng | |
| 581 | Phùng Ngọc Tuấn | 35/3 |
| 582 | Bùi Quang Triễn | 39/4 b |
| 583 | Trần Ngọc Hoàng | 40 |
| 584 | Nguyễn Văn Lộc | 36 r |
| 585 | Trần Quốc Thái | 46/1 tổ 18 |
| 586 | Lâm Thị Bé | 47/5 |
| 587 | Phạm Thị Hai | 51/2 |
| 588 | Trần Văn Điệp | 41/4 |
| 589 | Ngô Minh Đạt | 42/1 |
| 590 | Huỳnh Long Hải | 46/4 |
| 591 | Lâm Thị Hường | 42/3 |

| | | |
|---|---|---|
| 592 | Phạm Thị Ngọc Thuỳ | 51/2 |
| 593 | Nguyễn Văn Mánh | 45/2 |
| 594 | Nguyễn Thị Ngà | 43/2 |
| 595 | Nguyễn Thanh Dũng | 42/2 |
| 596 | Nguyễn Văn Hùng | 48/3 b |
| 597 | Nguyễn Văn Thọ | 149/5 |
| 597 | Nguyễn Trung Hải | 149/5 c |
| 598 | Nguyễn Thị Kiều My | 48/8 |
| 599 | Ngô Mạnh Lan | 149/5 e |
| 600 | Ngô Triệu Lượng | 38/4c |
| 601 | Nguyễn Thị Thanh Đào | 46/4 a |
| 602 | Lê Văn An | 50/7 b |
| 603 | Nguyễn Thị Dung | 110/1 |
| 604 | Trần Văn Ngà | 46/4 |
| 605 | Phạm Thị Thảo Tươi | 47/1 |
| 606 | Từ Thị Hoàng Yến | 47/1b |
| 607 | Trương Thị Hoàng Anh | 48/3 |
| 608 | Nguyễn Hữu Đức | 48/3 b |
| 609 | Nguyễn Đức Duy | 50/4 |
| 610 | Huỳnh Cao Xanh | 50/4 a |
| 611 | Hồ Như Thuỷ | 42/5 |
| 612 | Phạm Ngọc Phước | 41/3 |
| 613 | Trình Văn Sơn | 46/2 |
| 614 | Nguyễn Ngọc Thu | 42/1 |
| 615 | Trương Ngọc Anh | 40/4 |
| 616 | Trần Thị Ánh Thu | 42/3 |
| 617 | Trương Muối | 47/3b |
| 618 | Nguyễn Ngọc Hướng | 50/2 |
| 619 | Nguyễn Văn Quý | 49/7 |
| 620 | Trần Văn Hồng | 149/5 b |

| | | |
|---|---|---|
| 621 | Trần Văn Thanh | 42/2a |
| 622 | Trần Thị Kim Nga | 42/2b |
| 623 | Châu Bích Hồng | 42/2 b |
| 624 | Ông Thị Thuỳ Linh | 49/3b |
| 625 | Nguyễn Minh Hải | 41/4 |
| 626 | Vũ Quốc Bình | 49/3 |
| 627 | Nguyễn Thị Bạch Tuyết | 41/5a |
| 228 | Đỗ Ngọc Dung | 41/5 |
| 629 | Nguyễn Thị Cai | 49/5 |
| 630 | Võ Đăng Sơn | 33 |
| 631 | Trịnh Thanh Hùng | 42/2 |
| 632 | Phạm Thị Trang | 42/2 |
| 633 | Trần Thị Hoài Linh | 46/3 a |
| 634 | Phạm Văn Ân | 42/4a r |
| 635 | Dương Chí Ngọc Hiền | 118/4 tổ 19 r |
| 636 | Liêu Kim Mai | 52/4 |
| 637 | Thái Thị Tuyết | 57/1 |
| 638 | Liêu Minh Duy | 84/1 A |
| 639 | Trương Văn Toàn | 25/1 A |
| 640 | Nguyễn Văn Long | 25/1 a |
| 641 | Nguyễn Thị Mai | 54/4 |
| 642 | Vương Phú Khương | 53/2 |
| 643 | Nguyễn Văn Thông | 51/2 b |
| 644 | Nguyễn Thị Thuý Ngọc | 51/2a |
| 645 | Tăng Tuyết Ngọc | 51/3 |
| 646 | Vương Phú Quốc | 68/3 |
| 647 | Vương Hộ Gia | 53/1 |
| 648 | Liêm Thị Hoa | 62/5 |

| | | |
|---|---|---|
| 649 | Trần Thị Quýt | 54/2 |
| 650 | Lý Trường Sơn | 54/3 |
| 651 | Quan Phương Hoa | 54/5 A |
| 652 | Nguyễn Thị Bạch Tuyết | 52/5a |
| 653 | Nguyễn Thị Ngọc | 90/4 a |
| 654 | Mã Mũi | 90/4 r |
| 655 | Nguyễn Thị Hồng | 130/3 tổ 20 r |
| 656 | Nguyễn Thị Thanh Phượng | 65/4 b |
| 657 | Nguyễn Văn Thanh | 65/4 |
| 658 | Trương Ánh Tuyết | 65/5 |
| 659 | Nguyễn Hữu Phương | 46/3 |
| 660 | Lê Thị Hường | 64/2 |
| 661 | Tô Thị Thành | 69/2 |
| 662 | Lê Thị Mỹ | 70/2 |
| 663 | Trần Minh Mẫn | 63/3 |
| 664 | Nguyễn Tấn Khanh | 35/1 a |
| 665 | Lê Kim Ngọc | 63/2 |
| 666 | Đỗ Thị Tuyết Minh | 63/3 a |
| 667 | Nguyễn Hữu Thiện | 67/2 |
| 668 | Nguyễn Ngọc Khánh | 67/2 a |
| 669 | Nguyễn Ngọc Đông | 67/2a |
| 670 | Nguyễn Thanh Tùng | 62/4 |
| 671 | Hà Thị Thanh | 62/4b |
| 672 | Nguyễn Thanh Tâm | 62/4a |
| 673 | Ôn Thanh | 62/3 |
| 674 | Nguyễn Thị Bích | 62/3 a |
| 675 | Dung Thị Huệ | 71/5 |
| 676 | Trần Thị Thu | 61/5a |
| 677 | Trần Thị Kiều Mai | 61/5 |
| 678 | Nguyễn Thị Nga | 61/5 a |
| 679 | Bùi Quang Tùng | 61/4 h |
| 680 | Bùi Thị Bòn | 61/4 b |
| 681 | Nguyễn Thị Hồng Đào | 61/4d |
| 682 | Bùi Thị Anh | 61/4 c |
| 683 | Nguyễn Thị Năm | 61/3 |
| 684 | Trần Thị Quỳnh Như | 61/4 |
| 685 | Lê Minh Hiếu | 60/5 |

| | | |
|---|---|---|
| 686 | Phạm Thị Lan | 60 |
| 687 | Trần Thị Báu | 60/5 c |
| 686 | Trần Thị Minh Trang | 60/5 e |
| 687 | Nguyễn Thị Cúc | 60/3 |
| 688 | **Hồ Hải Bắc** | **60/3c** |
| 689 | Nguyễn Thị Ái Hằng | 60/4a |
| 690 | Nguyễn Văn Gạo | 60/4 |
| 691 | Trương Ngọc Hà | 60/3 |
| 692 | Nguyễn Thị Sương | 60/3 a |
| 693 | Nguyễn Văn Ấn | 59/2 |
| 694 | Nguyễn Thị Ngọc | 59/2a |
| 695 | Nguyễn Thiên Sơ | 58/3 |
| 696 | Nguyễn Thị Thu Cúc | 58/2 |
| 697 | Nguyễn Quốc Dũng | 58/1 |
| 698 | Trương Thị Hườn | 57/4 |
| 699 | Võ Đăng Khoa | 60/3e |
| 700 | Lê Thị Đông | 42 tổ 21 r |
| 701 | Huỳnh Vĩ Thêm | 34/5 |
| 702 | Huỳnh Kim Thanh | 34/5 |
| 703 | Nguyễn Thanh Bạch | 15/5 |
| 704 | Nguyễn Thị Cúc | 34/3 |
| 705 | Huỳnh Thị Kim Hương | 34/1 |
| 706 | Nguyễn Kim Anh | 33/3 |
| 707 | Phạm Văn Ngàn | 31 |
| 708 | Lê Văn Hiệp | 132/2 a |
| 709 | Nguyễn Thị Rét | 29/3 |
| 710 | Trần Mỹ Dung | 32/2 |
| 711 | Đường Sú Múi | 32/1a |
| 712 | Nguyễn Thị Thuyền | 30/5a |
| 713 | Đào Đức Trí | 31/5a |
| 714 | Lê Dương Bình | 36/3 a |
| 715 | Phạm Thị Trọn | 30/1 |
| 716 | Phạm Thi Thanh Thảo | 30/2 |
| 717 | Nguyễn Phước Hậu | 33/1 |
| 718 | Đặng Thị Ba | 31/1 |
| 719 | Nguyễn Thanh Lâm | 30/5 |
| 720 | Phạm Thị Xuân Hoà | 34/3b |

| | | |
|---|---|---|
| 721 | Huỳnh Cẩm Xồi | 31/4 |
| 722 | Lê Hiếu Trung | 31/2 |
| 723 | Nguyễn Thị Kim | 31/3 |
| 724 | Trần Tú Liên | 31/2a |
| 725 | Nguyễn Phước Sơn | 32/1 |
| 726 | Huỳnh Thị Ngọc Liên | 34/5 b |
| 727 | Nguyễn La Đạt | 33/5 r |
| 728 | Mai Thị Kim Phụng | 26/3a tổ 22 r |
| 729 | Trương Hữu Phương | 78/5 |
| 730 | Trần Thị Ngãnh | 26/4 |
| 731 | Nguyễn Hữu Thọ | 26/4b |
| 732 | Lâm Kim Anh | 26/5b |
| 733 | Nguyễn Thị Hà Huyền | 26/5 a |
| 734 | Nguyễn Văn Giao | 26/1 |
| 735 | Lê Thanh Luận | 26/3b |
| 736 | Bùi Thị Rua | 26/4 c |
| 737 | Trương Thị Kim Tuyến | 26/4a |
| 738 | Trương Thị Thanh Tuyền | 26/4 b |
| 739 | Nguyễn Thị Gấm | 86/4 |
| 740 | Liêu Thanh Tùng | 25/2a |
| 741 | Lê Mộng Nguyệt | 25/3 |
| 743 | Lê Thanh Vũ | 25/3c |
| 744 | Nguyễn Văn Hoá | 25/2 |
| 745 | Nguyễn Thị Em | 26/4 c |
| 746 | Mai Quốc Dũng | 52/2 |
| 747 | Phạm Thị Hoá | 25/3 |
| 748 | Nguyễn Văn Xứng | 25/3a |
| 749 | Đào Văn Thọ | 148 |
| 750 | Vũ Hoàng Chương | 39/4 |

| | | |
|---|---|---|
| 751 | Nguyễn Thị Cẩm Hồng | 24/3 |
| 752 | Phạm Văn Hưng | 24/5 |
| 753 | Lâm Kiếm | 24/1 |
| 754 | Lê Mộng Thu | 25/3b |
| 755 | Nguyễn Thị Hồng Liên | 28/4 a |
| 756 | Phạm Văn Tuấn | 53/4 |
| 757 | Lê Thanh Tòng | 25/3b |
| 758 | Nguyễn Văn Ân | 28/3 |
| 759 | Phạm Thị Hồng Gấm | 53/4 a |
| 760 | Trần Thị Ngãnh | 26/4 |
| 761 | Nguyễn Văn Phước | 23/5 a |
| 762 | Nguyễn Thị Linh Phượng | 28/5 |
| 763 | Lê Thanh Bình | 25/3 p |
| 764 | Nguyễn Kim Tài | 24/4 |
| 765 | Đinh Duy Tân | 27/ |
| 766 | Hà Vũ Linh | 27/4 |
| 767 | Lê Thị Thật | 51/2 r |
| 768 | Lâm Tâm Chung | 21/2 a tổ 23 r |
| 769 | Võ Văn Bình | 22/1a |
| 770 | Đỗ Hận Trường | 20/4 b |
| 771 | Lê Mộng Long | 20/4a |
| 772 | Nguyễn Văn Cường | 23/3 |
| 773 | Nguyễn Văn Đời | 23/2a |
| 774 | Nguyễn Văn Hậu | 23/1a |
| 775 | Nguyễn Thị Hồng Phước | 19/3 b |
| 776 | Bùi Văn Trưởng | 22/1 |
| 777 | Võ Ngọc Sáng | 22/1c |
| 778 | Võ Thị Ngọc Minh | 22/1b |
| 779 | Nguyễn Thị Giúp | 163/1 |
| 780 | Lương Văn Tuấn | 22/4 a |
| 781 | Nguyễn Thị Kim Xuân | 22/3 |
| 782 | Võ Thị Kim Chi | 22/5 b |
| 783 | Nguyễn Văn Phú | 21/2a |
| 784 | Nhan Minh Trang | 17/4c |
| 785 | Nguyễn Ngọc Giàu | 22/1b |
| 786 | Nguyễn Ngọc Xuân | 22/1 b |
| 787 | Nguyễn Văn Hiệp | 2/1 c |
| 788 | Nguyễn Hiệp Sao | 22/5b |
| 789 | Nguyễn Văn Trọng | 22/1b |

| | | |
|---|---|---|
| 790 | Lâm Tâm Khanh | 21/1 |
| 791 | Nguyễn Thị Kim | 23/3 |
| 792 | Nguyễn Thị Mỹ Anh | 23/3 b |
| 793 | Nguyễn Thị Lộc | 20/5 |
| 794 | Hà Duy Hiếu | 19/5 |
| 795 | Lương Kim Ngọc | 51/1 a |
| 796 | Nguyễn Thị Mỹ Phương | 23/3 d |
| 797 | Nguyễn Phước Lộc | 19/3 |
| 798 | Võ Thị Thu Lan | 22/5 c |
| 799 | Nguyễn Thị Ngọc | 19/5 |
| 800 | Nguyễn Thị Thu Nguyệt | 22/3 b |
| 801 | Võ Thị Thu Nguyệt | 22/6 |
| 802 | Nguyễn Thị Thu Lan | 22/5 b |
| 803 | Cổ Kim Phụng | 19/4 a |
| 804 | Nguyễn Văn Đạm | 174 a |
| 805 | Trần Thị Cẩm Hồng | 21/2 |
| 806 | Nguyễn Hữu Danh | 23/5 b |
| 807 | Nguyễn Văn Lành | 20/5 a |
| 808 | Cổ Kim Lang | 19/4 |
| 809 | Nguyễn Thị Trường An | 17/4 |
| 810 | Nguyễn Ngọc Lệ | 22/1 a |
| 811 | Võ Hoàng Minh | 23/7 |
| 812 | Huỳnh Thế Dũng | 23/1 b |
| 813 | Nguyễn Thị Bích Đào | 23/1c |
| 814 | Huỳnh Công Phát | 20/2 |
| 815 | Nguyễn Thị Nga | 19/5 |
| 816 | Nguyễn Thị Hoa | 22/5f |
| 817 | Đào Tấn Hưng | 17/4 |
| 818 | Hoàng Thị Duyên | 23 a |
| 819 | Võ Thị Thu Thuỷ | 22/5 a |
| 820 | Trần Thanh Tâm | 22 |
| 821 | Đào Quang Vĩnh | 22/1 a |
| 822 | Lâm Thị Ngọc | 20/1 |
| 823 | Lương Trọng Đại | 22/1 b |
| 824 | Vũ Văn Dương | 23 |
| 825 | Nguyễn Thị Phê | 22/4 b |
| 826 | Lê Thị Thanh Phú | 22/4 |
| 827 | Lương Thị Ngọc Lệ Tuyền | 22/4 b |
| 828 | Nguyễn Văn Nhành | 22/7 |

| | | |
|---|---|---|
| 829 | Lê Thị Thu Sương | 22/5 a |
| 830 | Nguyễn Văn Hà | 22/1c |
| 831 | Nguyễn Thị Ngọc Duyên | 17/5 a |
| 832 | Ninh Văn Dương | 22/6 |
| 833 | Lương Thị Ngọc Lệ Uyên | 22a/4 r |
| 834 | Nguyễn Văn Đầy | 15/4 a tổ 24 |
| 835 | Nguyễn Thị Hai | 19/3 |
| 836 | Trà Văn Nghĩa | 86/4 b |
| 837 | Trà Ánh Trung | 86/4 c |
| 838 | Trần Văn Cu | 18/5 |
| 839 | Trà Thanh Thảo | 86/4 |
| 840 | Lê Thị Lùng | 18/3 |
| 841 | Trần Minh Thành | 18/1 |
| 842 | Đặng Văn Quý | 19/1 |
| 843 | Phạm Thị Tuyết Dung | 17/4 |
| 844 | Nguyễn Thị Hoa | 17/5 |
| 845 | Võ Kim Thảo | 17/3 |
| 846 | Trần Văn Tràng | 47b |
| 847 | Trương Văn Kiện | 15/7 |
| 848 | Nguyễn Văn Gắt | 15/7 a |
| 849 | Phan Văn Hồng | 108/6 |
| 850 | Phạm Thống Nhất | 15/2 b |
| 851 | Trương Thị Mỹ | 17 |
| 852 | Trần Văn Chẩn | 15/4 |
| 853 | Lê Phước Long | 15/1a |
| 854 | Phạm Quốc Hùng | 108/4 a |
| 855 | Nguyễn Thị Kiều | 176/4c |
| 856 | Trần Hoàng Vũ | 15/4 c |
| 857 | Thạch Thị Hường | 15/2 |
| 858 | Phạm Thị Hồng Loan | 108/4 b |
| 859 | Trần Kim Toàn | 15/2a |
| 860 | Nguyễn Văn Mẫn | 15/7 a |
| 861 | Tăng Vũ Bằng | 18 |
| 862 | Lê Thị Ánh Đào | 15/5 |
| 863 | Cao Thị Thu Tâm | 8/2 |
| 864 | Trần Ngọc Quang | 15/4b |
| 865 | Nguyễn Thị Thuý Nga | 15/1 |
| 866 | Sâm Thị Ngọc | 16/2 |
| 867 | Nguyễn Văn Phú | 16/2 a |

| | | |
|---|---|---|
| 868 | Nguyễn Văn Quý | 16/2 |
| 869 | Võ Thị Anh Thoa | 16/4 |
| 870 | Nguyễn Thị Phúc | 16/2 |
| 871 | Lê Quang Anh Tuấn | 16/4 |
| 872 | Nguyễn Văn Thanh | 16 |
| 873 | Nguyễn Thị Thanh Nhàn | 182/2 |
| 874 | Huỳnh Công Cơ | 17/5 |
| 875 | Hồ Quốc Tặng | 15/4f |
| 876 | Nguyễn Phước Lộc | 17/3 |
| 877 | Nguyễn Thị Rỡ | 15/2 |
| 878 | Lê Đàn | 15/2 |
| 879 | Lê Phú Thành | 179/4 tổ 25 r |
| 880 | Châu Ngọc Thắm | 179/1 |
| 881 | Phùng Trọng Hiếu | 176/ 4a |
| 882 | Châu Kim Tài | 178 |
| 883 | Nguyễn Châu Ngọc | 180/1 |
| 884 | Nguyễn Văn Sanh | 42/11 |
| 885 | Nguyễn Thanh Tùng | 176/5 **c** |
| 886 | Lê Thị Phương Linh | 128/5 |
| 887 | Lê Thị Kim Dư | 179/4a |
| 888 | Châu Thị Kim Xuân | 179/1a |
| 889 | Nhan Hạnh | 180/2a |
| 890 | Nguyễn Văn Ân | 179/2 |
| 891 | Lại Thị Ánh Linh | 176/5 c |
| 892 | Cao Ngọc Thanh | 128/3 |
| 893 | Nguyễn Minh Châu | 177/4 a |
| 894 | Huỳnh Văn Khánh | 176/5b |
| 895 | Chung Hữu Phúc | 181/2 |
| 896 | Võ Thị Kim Hoa | 181/1 c |
| 897 | Châu Ngọc Phượng | 178/5 d |
| 898 | Phùng Văn Thành | 176/5 |
| 899 | Nguyễn Thị Hồng | 178/5f |
| 900 | Luong Minh Tuấn | 179/6 a |
| 901 | Châu Văn Tiến | 179/1 a |
| 902 | Nguyễn Thị Ngọc Huê | 176/4a |
| 903 | Nguyễn Thị Lan | 176d |
| 904 | Lại Thị Khánh Linh | 176e |
| 905 | Nguyễn Hữu Hạnh | 178a |
| 906 | Trần Tuấn Nhi | 181/1L |

| | | |
|---|---|---|
| 097 | Lương Thị Ngọc Lệ Hà | 178b |
| 908 | Nguyễn Thị Hương | 175/5a |
| 909 | Chung Văn Cầm | 181/1 |
| 910 | Lê Thị Lá | 179/3 |
| 911 | Châu Ánh Hoa | 178/5b |
| 912 | Nguyễn Thị Kim Mai | 177/3 |
| 913 | Nguyễn Thị Dung | 128/4 c |
| 914 | Nhan Hoài Trung | 180/3 |
| 915 | Nhan Hoài Tâm | 180/2 |
| 916 | Nguyễn Tiến Lâm | 181/1 |
| 917 | Nguyễn Văn Thế Thiện | 181/1b |
| 918 | Nguyễn Khắc Nguyện | 180/5 |
| 919 | Võ Thị Thuỷ | 180/4 |
| 920 | Nguyễn Minh Sơn | 177/4 |
| 921 | Nguyễn Thị Hoàng Oanh | 179/4b |
| 922 | Nguyễn Thị Kim Phụng | 180/5a |
| 923 | Lưu Thanh Kim Khánh | 178/6b |
| 924 | Nguyễn Thanh Liêm | 128/4a |
| 925 | Nguyễm Bình Đông | 177/5b |
| 926 | Nguyễn Thị Trí | 128/4b |
| 927 | Huỳnh Thị Bảy | 128 |
| 928 | Lưu Thanh Bảo Khánh | 178/4 |
| 929 | Đặng Xuân Hoa | 4/1 |
| 930 | Châu Văn Thanh | 178/5 |
| 931 | Diệp Thuý Phượng | 108/2 |
| 932 | Nguyễn Văn Thảo | 178/74 |
| 933 | Hồ Thị Cầm | 180/1 |
| 934 | Nguyễn Thị Bé Hai | 177/3 |
| 935 | Nguyễn Thị Ngọc Thuý | 17/2r |
| 936 | Nguyễn Văn Hai | 6/4 b tổ 26 |
| 937 | Trần Thị Cẩm Vân | 108/3 |
| 938 | Nguyễn Văn Lợi | 176/2 |
| 939 | Nguyễn Thị Mão | 24/4a |
| 940 | Nguyễn Thị Minh | 173/1 |
| 941 | Võ Văn Hùng | 174/1 b |
| 942 | Nguyễn Loan Chi | 173/3 |
| 943 | Nguyễn Thị Thuỳ Linh | 173/1 b |
| 944 | Võ Văn Cận | 107/2 a |
| 945 | Phạm Thị Ánh | 172/3 a |

| | | |
|---|---|---|
| 946 | Bùi Thị Hồng Thư | 174/5 |
| 947 | Nguyễn Kim Sương | 171/ b |
| 948 | Huỳnh Thị Bông | 171/1 c |
| 949 | Nguyễn Thị Mão | 24/4a |
| 950 | Trần Kim Danh | 172a |
| 951 | Phạm Thị Ngọc | 172/4 |
| 952 | Nguyễn Thị Ngọc Bích | 170/1 a |
| 953 | Nguyễn Thị Sơn | 172/4 a |
| 954 | Võ Thị Đồng | 174/1 b |
| 955 | Nguyễn Thị Kim Chi | 174/4 a |
| 956 | Đỗ Trọng Tín | 174/4 a |
| 957 | Tăng Chiêu Bình | 196/4 |
| 958 | Lê Duy Ban | 175/3 |
| 959 | Nguyễn Hoàng Long | 173/1f |
| 960 | Trần Văn Cơ | 172/1 |
| 961 | Trần Thị Gái | 171/1 d |
| 962 | Nguyễn Thị Thiên Hương | 172/ 1a |
| 963 | Nguyễn Thị Liễu | 171/5a |
| 964 | Trương Thị Tế Anh | 172/5 |
| 965 | Nguyễn Thị Kim Xuyến | 26 |
| 966 | Nguyễn Thị Thuỳ Trang | 173/1e |
| 967 | Nguyễn Văn Tuấn | 6/4 a |
| 968 | Phạm Văn Đăng | 178/2 |
| 969 | Lưu Thanh Quốc Khánh | 174/6 a |
| 970 | Nguyễn Văn Liệu | 175/3 |
| 971 | Đỗ Minh Trí | 174/1 a |
| 972 | Hồ văn Thùng | 34/2 c |
| 973 | Trần Trung Hiệp | 176/2a |
| 974 | Phạm Thị Hoa | 172/1c |
| 975 | Nguyễn Hoàng Nhân | 173/1d |
| 976 | Ngô Đình Dũng | 175/3 |
| 977 | Đặng Kim Sương | 17/5 |
| 978 | Nguyễn Văn Quí | 145/4 |
| 979 | Trương Thị Mỹ Dung | 94/1 tổ 2 |
| 980 | Nguyễn Thị Ngọc Hương | 41/4 a tổ 23 |
| 981 | Trương Trọng Đức | 48/4 |
| 982 | Huỳnh Thị Nga | 42/5d |
| 983 | Nguyễn Thị Bê | 94/3 |
| 984 | Nguyễn Ngọc Định | 49/7a |

| | | |
|---|---|---|
| 985 | Phan Thị Trang | 46/3 a |
| 986 | Phan văn Hành | 175/ a |
| 987 | Nguyễn Thị Ngang | 31/6 |
| 988 | Huỳnh Thị Phương | 42/5 a |
| 989 | Lê Văn Dũng | 86/ 4a |
| 990 | Thông Đường Cú | 22/1 c |
| 991 | Huỳnh Thị Tâm | 16/5 |
| 992 | Trần Thị Nhơn | 24/5a |
| 993 | Sang Mừng Kiu | 22/6 c |
| 994 | Phạm Văn Sen | 67/2 d |
| 995 | Đặng Ngọc Minh | 72/3 |
| 996 | Đặng Thị Hồng Phúc | 106/5 tổ 15 |
| 997 | Nguyễn Kim Mai | 164/3b |
| 998 | Nguyễn Văn Quận | 166/2 |
| 999 | Lê Phát Sang | 168/1 |
| 1000 | Lương Ái Na | 169 |
| 1001 | Âu Dương Phúc | 166/4 |
| 1002 | Huỳnh Thị Nhỏ | 157/5 |
| 1003 | Nguyễn Thị Liên | 164/5 |
| 1004 | Nguyễn Chí Hùng | 164/5a |
| 1005 | Đặng Thị Thu Hương | 161/1b |
| 106 | Trương Thị Nho | 165/3 |
| 1007 | Đặng Văn Thông | 164/5a |
| 1008 | Đoàn Thị Ngôn | 169/4a |
| 1009 | Nguyễn Tấn Tài | 169/1 |
| 1010 | Nguyễn Thị Kim Phượng | 165/5k |
| 1011 | Nguyễn Thị Tánh | 169/3 |
| 1012 | Trần Thị Nhiều | 171/1c tổ 25 |
| 1013 | Trần Thị Lài | 181/5 a |
| 1014 | Phùng Thành Đạt | 176/4 tổ 26 |
| 1015 | Phạm Thị Thanh | 139/3 tổ 11 |
| 1016 | Nguyễn Văn Thanh | 92/1 a tổ 2 |
| 1017 | Nguyễn Ngọc Chánh | 27/4 a tổ 24 |
| 1018 | Nguyễn Thị Tuyết | 146/3 tổ 13 |
| 1019 | Nguyễn văn Thu | 133/7 tổ 11 |
| 1020 | Trịnh Thị Bé | 130/4 tổ 11 |